

Số: 1206 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 18 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt thành lập Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 15/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Chi cục Kiểm ngư tỉnh Cà Mau thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm ngư tỉnh Cà Mau thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 190/TTr-SNN ngày 10/6/2024.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau, gồm những nội dung sau (kèm theo Báo cáo tổng hợp):

### 1. Tên gọi

- Tên tiếng Việt: Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.
- Tên tiếng Anh: Ca Mau Province Marine Protected Area.

**2. Loại hình khu bảo tồn:** Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp tỉnh.

### 3. Mục tiêu, đối tượng bảo tồn

#### 3.1. Mục tiêu chung

Bảo vệ và bảo tồn nguồn lợi thủy sản, các loài sinh vật biển, loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, loài có giá trị kinh tế, khoa học sống trong khu bảo tồn; bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học biển gắn với phát triển du lịch sinh thái bền vững, cải thiện sinh kế của cộng đồng ngư dân địa phương, góp phần phát triển kinh tế biển; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học biển.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể

- Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, đặc thù và quan trọng như: rạn san hô đảo Hòn Chuối và Hòn Hàng; bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên độc đáo của cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc để phục vụ cho nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, nghỉ dưỡng.

- Phục hồi, tái tạo tự nhiên kết hợp với nhân tạo hệ sinh thái rạn san hô tại các khu vực bị suy thoái xung quanh đảo Hòn Chuối và Hòn Hàng.

- Bảo vệ, phục hồi và phát triển quần thể của các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm có giá trị bảo tồn, đặc biệt các loài di cư như: Thần lằn đuôi vàng (*Cnemaspis psychedelica*), Sóc bông Hòn Khoai (*Callosciurus honkhaiensis*), Bò câu nicobar (*Caloenas nicobarica*), Đại bàng biển bụng trắng (*Haliaeetus leucogaster*), San hô cành (*Acropora* spp.), Tôm hùm đá (*Panulirus homarus*), Trai bàn mai (*Atrina vexillum*), Trai ngọc nữ (*Pteria penguin*),...

- Bảo vệ các loài thủy sản: Tôm he (*Penaeidae*), Tôm kính (*Pasiphaeidae*), Cá chai (*Platycephalidae*), Cá đực (*Sillaginidae*), Cá bơn lưỡi bò (*Cynoglossidae*), Cá trích (*Clupeidae*), Cá bóng trắng (*Gobbidae*), Cá lượng (*Nemipteridae*), Cá đù (*Sciaenidae*), Cá đực (*Sillaginidae*), Cá đối (*Mugilidae*), Cá chim trắng (*Stromateidae*), Cá trống (*Engraulidae*), Cá trích (*Clupeidae*), Cá khế (*Carangidae*),... tại vùng ven biển phía Đông Hòn Khoai và phía Tây Ngọc Hiển.

- Giảm thiểu hoặc loại bỏ những tác động làm suy giảm chất lượng môi trường, cấu trúc của hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản và tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường khả năng chống chịu của các hệ sinh thái trong Khu bảo tồn biển, thích ứng với những biến động tự nhiên và biến đổi khí hậu.



- Kiểm kê, lưu giữ, duy trì, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, nguy cấp được ưu tiên bảo vệ trong hệ sinh thái biển và hệ sinh thái rừng trên các đảo thông qua việc thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ, các dự án, các mô hình xã hội hóa bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước và cộng đồng.

- Nâng cao kiến thức nhận thức và kiến thức về tầm quan trọng, giá trị của các nguồn tài nguyên sinh vật biển. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhằm cải thiện và nâng cao thu nhập của cộng đồng.

- Tạo môi trường thuận lợi cho các nhà khoa học, sinh viên các trường đại học, học sinh các cấp, người yêu thiên nhiên trong nước và quốc tế đến tham quan, nghiên cứu, học tập tại khu bảo tồn biển.

- Phát huy vai trò bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tài nguyên trên đảo gắn liền với bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, giá trị nhân văn trên đảo.

- Góp phần tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

**3.3. Đối tượng bảo tồn:** Hệ sinh thái san hô, bãi giống, bãi đẻ và các loài thủy sinh vật sinh sống trong khu vực bảo tồn; đặc biệt là các loài quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và khoa học.

#### **4. Phạm vi, quy mô khu bảo tồn biển**

##### **4.1. Phạm vi khu bảo tồn biển**

Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau có phạm vi bao gồm vùng biển xung quanh các cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối và Hòn Đá Bạc, cụ thể:

- Cụm đảo Hòn Khoai: Phạm vi ranh giới Khu bảo tồn biển kéo dài từ đầu đến cuối và song song với đảo Hòn Khoai hướng ra phía biển về phía Tây Bắc. Điểm gần nhất cách bờ (Khu du lịch Khai Long) khoảng 9,15 km và cách cửa biển Đất Mũi khoảng 14,2 km.

- Cụm đảo Hòn Chuối: Phạm vi ranh giới Khu bảo tồn biển được xác định từ mép đảo ra phía biển 2,5 km xung quanh đảo Hòn Chuối nối liền với Hòn Hàng. Điểm từ trung tâm đảo Hòn Chuối cách cửa biển Sông Đốc khoảng 33,4 km và cách cửa biển Cái Đoi Vàm khoảng 31,2 km.

- Cụm đảo Hòn Đá Bạc: Phạm vi ranh giới Khu bảo tồn biển được xác định từ kè chắn sóng hiện hữu kéo dài bao trùm toàn bộ khu vực thả rạn nhân tạo tại vùng biển Khánh Bình Tây. Điểm xa nhất cách cửa biển Hòn Đá Bạc khoảng 19,8 km và cách vuông góc với đường bờ xã Khánh Bình Tây Bắc khoảng 19,5 km.

##### **4.2. Tọa độ Khu bảo tồn biển**

- Cụm đảo Hòn Khoai:

+ Vĩ độ: Từ 8°25'40,44" đến 8°28'53,58".



+ Kinh độ: Từ 104°46'25,32" đến 104°50'16,58".

- Cụm đảo Hòn Chuối:

+ Vĩ độ: Từ 8°49'57,17" đến 8°59'57,62".

+ Kinh độ: Từ 104°28'27,94" đến 104°36'44,66".

- Cụm đảo Hòn Đá Bạc:

+ Vĩ độ: Từ 9°08'23,08" đến 9°16'20,36".

+ Kinh độ: Từ 104°38'23,87" đến 104°48'52,08".

**4.3. Tổng diện tích:** Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau có tổng diện tích 27.000 ha, trong đó diện tích các phân khu chức năng 18.000 ha (phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 3.000 ha, phân khu phục hồi sinh thái 11.230 ha và phân khu dịch vụ - hành chính 3.970 ha) và vùng đệm 9.000 ha.

#### **4.4. Các phân khu chức năng và vùng đệm**

Chi tiết tọa độ, diện tích và bản đồ các phân khu chức năng và vùng đệm tại Phụ lục kèm theo.

### **5. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

#### **5.1. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu**

- Thả phao ranh giới các phân khu chức năng của Khu bảo tồn biển.

- Xây dựng trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

#### **5.2. Chương trình, dự án truyền thông, chuyển đổi sinh kế và phát triển cộng đồng**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

- Hỗ trợ tái định cư và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp kết hợp mô hình phát triển du lịch sinh thái cho cộng đồng dân cư sinh sống trong Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

#### **5.3. Chương trình, dự án phục hồi hệ sinh thái**

- Nghiên cứu, áp dụng hình thức bảo tồn chuyển vị (ex - situ) để phục hồi và bảo tồn loài quý hiếm tại Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

- Thả rạn nhân tạo làm nơi trú ẩn, sinh trưởng cho các loài thủy sản trong Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

- Xây dựng chương trình bảo tồn loài Thần lằn đuôi vàng (*Cnemaspis psychedelica*) và Sóc bông (*Callosciurus honkhoiensis*) trên đảo Hòn Khoai.



#### **5.4. Chương trình nghiên cứu khoa học, giáo dục**

- Quan trắc, thống kê, cập nhật thông tin, dữ liệu đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.
- Xây dựng bộ tiêu bản sinh vật biển Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau phục vụ công tác nghiên cứu, tuyên truyền và phát triển du lịch.
- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau.

#### **6. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý khu bảo tồn biển**

Trước mắt, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm ngư) chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức quản lý Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau theo quy định. Về lâu dài, khi Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khai thác dịch vụ và dự kiến được nguồn thu đảm bảo tự cân đối, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo, tham mưu đề xuất cấp thẩm quyền thành lập Ban Quản lý Khu bảo tồn biển theo quy định (thuộc loại hình là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc Chi cục Kiểm ngư tỉnh Cà Mau).

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau theo quy định; xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư; thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; phổ biến những quy định của pháp luật về các loài thủy sản khác bị cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn; các quy định về phương pháp khai thác, nghề, phương tiện, mùa vụ, khu vực khai thác để bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính** nghiên cứu các chính sách về tài chính, tín dụng, đầu tư, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác để thực hiện các chương trình, dự án có liên quan đến Khu bảo tồn biển theo quy định.

**3. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan** theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ, nội dung, chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, du lịch, giao thông, an ninh trật tự trên biển và các vấn đề khác liên quan (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nội vụ, Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện: Trần Văn Thời, Ngọc Hiến và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ngành, tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo, Đài, Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NNTN (Kha12);
- Lưu: VT, Ktr800/6.

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Quốc Việt**






**Phụ lục**  
**Tọa độ, diện tích, bản đồ phân khu chức năng và vùng đệm**  
**Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau**  
(Kèm theo Quyết định số 12.06 /QĐ-UBND ngày 18 /6/2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**1. Tọa độ, diện tích phân khu chức năng và vùng đệm**

**- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt**

TT	Khu vực	Điểm mốc	Tọa độ (WGS 84)		Tọa độ (VN-2000)		Diện tích (ha)
			Vĩ độ	Kinh độ	Y	X	
1	Cụm đảo Hòn Khoai	C1-1	8°26'57,17"	104°47'34,96"	532.061,25	934.083,36	200
		C1-2	8°27'28,54"	104°48'16,95"	533.344,41	935.047,71	
		C1-3	8°26'57,22"	104°48'44,92"	534.200,40	934.086,55	
		C1-4	8°26'27,92"	104°48'14,27"	533.263,92	933.186,02	
2	Cụm đảo Hòn Chuối	B1-1	8°53'29,40"	104°32'55,89"	505.176,01	982.968,60	1.600
		B1-2	8°53'34,12"	104°34'47,86"	508.595,62	983.114,14	
		B1-3	8°52'23,73"	104°34'48,99"	508.630,60	980.952,47	
		B1-4	8°52'19,17"	104°32'58,27"	505.248,99	980.811,84	
		B1-5	8°56'55,53"	104°31'19,95"	502.245,56	989.298,60	
		B1-6	8°56'29,32"	104°30'33,74"	500.834,52	988.493,63	
		B1-7	8°55'59,22"	104°31'16,98"	502.154,97	987.569,31	
		B1-8	8°56'00,54"	104°32'16,67"	503.977,73	987.609,99	
		B1-9	8°56'37,82"	104°32'40,76"	504.713,23	988.754,95	
		B1-10	8°56'53,57"	104°31'41,56"	502.905,45	989.238,46	
		B1-11	8°57'08,69"	104°31'25,50"	502.415,01	989.702,76	
		B1-12	8°57'23,39"	104°30'25,98"	500.597,52	990.154,13	
		B1-13	8°58'03,19"	104°30'57,89"	501.571,85	991.376,42	
		B1-14	8°58'08,86"	104°31'52,47"	503.238,40	991.550,66	
		B1-15	8°57'36,26"	104°32'37,31"	504.607,67	990.549,64	
		B1-16	8°57'08,34"	104°31'36,67"	502.756,09	989.692,04	
3	Cụm đảo Hòn Đá Bạc	A1-1	9°12'04,74"	104°47'24,44"	531.674,97	1.017.233,66	1.000
		A1-2	9°12'02,70"	104°47'56,89"	532.665,23	1.017.171,83	
		A1-3	9°11'28,67"	104°47'52,65"	532.536,71	1.016.126,62	
		A1-4	9°11'31,49"	104°47'22,16"	531.606,22	1.016.212,47	
		A1-5	9°10'29,23"	104°47'37,78"	532.084,44	1.014.300,79	
		A1-6	9°10'24,50"	104°48'15,36"	533.231,40	1.014.156,48	
		A1-7	9°09'30,90"	104°48'15,63"	533.241,03	1.012.510,38	
		A1-8	9°09'35,61"	104°47'34,27"	531.978,66	1.012.653,98	
		A1-9	9°13'59,14"	104°39'25,21"	517.049,82	1.020.737,85	
		A1-10	9°15'09,02"	104°39'33,32"	517.296,32	1.022.884,03	





A1-11	9°14'59,58"	104°41'08,92"	520.213,25	1.022.595,53	
A1-12	9°13'29,55"	104°40'48,69"	519.597,42	1.019.830,32	
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.800</b>


**- Phân khu phục hồi sinh thái**

TT	Khu vực	Điểm mốc	Tọa độ (WGS 84)		Tọa độ (VN-2000)		Diện tích (ha)
			Vĩ độ	Kinh độ	Y	X	
1	Cụm đảo Hòn Khoai	C2-1	8°26'54,54"	104°46'55,96"	530.868,81	934.001,71	790
		C2-2	8°28'27,96"	104°48'54,21"	534.482,20	936.873,40	
		C2-3	8°27'31,97"	104°49'43,99"	536.005,67	935.155,21	
		C2-4	8°26'08,18"	104°48'27,02"	533.654,26	932.580,11	
2	Cụm đảo Hòn Chuối	B2-1	8°56'29,32"	104°30'33,74"	500.834,52	988.493,63	4.090
		B2-2	8°56'11,22"	104°30'02,09"	499.868,04	987.937,76	
		B2-3	8°50'38,59"	104°33'11,96"	505.667,56	977.723,07	
		B2-4	8°52'03,06"	104°36'04,57"	510.939,16	980.318,25	
		B2-5	8°53'35,26"	104°35'14,22"	509.400,66	983.149,34	
		B2-6	8°57'47,16"	104°32'59,53"	505.286,11	990.884,47	
		B2-7	8°59'18,06"	104°32'11,49"	503.818,95	993.675,86	
		B2-8	8°57'43,11"	104°29'09,22"	498.253,66	990.759,75	
		B2-9	8°57'23,39"	104°30'25,98"	500.597,52	990.154,13	
		B2-1	8°56'29,32"	104°30'33,74"	500.834,52	988.493,63	
		B2-2	8°56'11,22"	104°30'02,09"	499.868,04	987.937,76	
		3	Cụm đảo Hòn Đá Bạc	A2-1	9°10'55,25"	104°47'19,85"	
A2-2	9°08'41,19"			104°47'14,69"	531.382,45	1.010.982,21	
A2-3	9°08'36,16"			104°48'15,90"	533.250,69	1.010.829,27	
A2-4	9°10'51,84"			104°47'39,22"	532.127,81	1.014.995,20	
A2-5	9°11'14,89"			104°48'06,02"	532.945,07	1.015.703,77	
A2-6	9°11'29,32"			104°44'12,94"	525.832,09	1.016.141,59	
A2-7	9°13'33,39"			104°38'50,77"	515.999,32	1.019.946,60	
A2-8	9°15'51,48"			104°39'03,93"	516.399,07	1.024.187,62	
A2-9	9°15'17,56"			104°44'02,85"	525.519,59	1.023.150,84	
A2-10	9°12'26,00"			104°44'10,40"	525.753,43	1.017.882,23	
A2-11	9°12'15,96"			104°48'16,58"	533.265,72	1.017.579,56	
<b>Tổng cộng</b>							<b>11.230</b>

**- Phân khu dịch vụ - hành chính**

TT	Khu vực	Điểm mốc	Tọa độ (WGS 84)		Tọa độ (VN-2000)		Diện tích (ha)
			Vĩ độ	Kinh độ	Y	X	
1	Cụm đảo Hòn Khoai	C3-1	8°25'48,95"	104°49'07,81"	534.902,02	931.990,56	240
		C3-2	8°26'09,30"	104°49'27,52"	535.504,20	932.616,00	
		C3-3	8°26'27,20"	104°49'15,40"	535.133,14	933.165,40	






2	Cụm đảo Hòn Chuối	C3-4	8°27'09,35"	104°49'56,67"	536.393,97	934.460,88	3.330
		C3-5	8°27'31,97"	104°49'43,99"	536.005,67	935.155,21	
		C3-6	8°26'08,18"	104°48'27,02"	533.654,26	932.580,11	
		B3-1	8°57'43,11"	104°29'09,22"	498.253,66	990.759,75	
		B3-2	8°57'08,69"	104°31'25,50"	502.415,01	989.702,76	
		B3-3	8°56'55,53"	104°31'19,95"	502.245,56	989.298,60	
		B3-4	8°56'11,22"	104°30'02,09"	499.868,04	987.937,76	
		B3-5	8°57'47,16"	104°32'59,53"	505.286,11	990.884,47	
		B3-6	8°57'36,26"	104°32'37,31"	504.607,67	990.549,64	
		B3-7	8°57'08,34"	104°31'36,67"	502.756,09	989.692,04	
		B3-8	8°56'53,57"	104°31'41,56"	502.905,45	989.238,46	
		B3-9	8°56'37,82"	104°32'40,76"	504.713,23	988.754,95	
		B3-10	8°56'00,54"	104°32'16,67"	503.977,73	987.609,99	
		B3-11	8°55'59,22"	104°31'16,98"	502.154,97	987.569,31	
B3-12	8°53'29,40"	104°32'55,89"	505.176,01	982.968,60			
B3-13	8°53'34,12"	104°34'47,86"	508.595,62	983.114,14			
B3-14	8°53'35,26"	104°35'14,22"	509.400,66	983.149,34			
3	Cụm đảo Hòn Đá Bạc	A3-1	9°10'38,45"	104°48'27,58"	533.603,95	1.014.585,22	400
		A3-2	9°10'41,88"	104°48'19,04"	533.343,25	1.014.690,33	
		A3-3	9°10'49,93"	104°48'10,98"	533.097,07	1.014.937,35	
		A3-4	9°10'53,60"	104°47'57,77"	532.693,85	1.015.049,72	
		A3-5	9°10'51,84"	104°47'39,22"	532.127,81	1.014.995,20	
		A3-6	9°10'29,23"	104°47'37,78"	532.084,44	1.014.300,79	
		A3-7	9°10'24,50"	104°48'15,36"	533.231,40	1.014.156,48	
		A3-8	9°08'36,16"	104°48'15,90"	533.250,69	1.010.829,27	
		A3-9	9°08'35,47"	104°48'29,77"	533.674,02	1.010.808,44	
		A3-10	9°10'35,47"	104°48'28,18"	533.622,34	1.014.493,71	
		A3-11	9°12'14,69"	104°48'46,31"	534.172,96	1.017.541,34	
		A3-12	9°12'15,96"	104°48'16,58"	533.265,72	1.017.579,56	
		A3-13	9°11'14,89"	104°48'06,02"	532.945,07	1.015.703,77	
		A3-14	9°11'12,52"	104°48'32,67"	533.758,38	1.015.631,67	
<b>Tổng cộng</b>							<b>3.720</b>

**- Vùng đệm**

TT	Khu vực	Điểm mốc	Tọa độ (WGS 84)		Tọa độ (VN-2000)		Diện tích (ha)
			Vĩ độ	Kinh độ	Y	X	
1	Cụm đảo Hòn Khoai	C4-1	8°25'40,44"	104°49'09,24"	534.945,96	931.729,25	855
		C4-2	8°26'51,38"	104°46'25,32"	529.932,00	933.904,00	
		C4-3	8°28'53,58"	104°48'55,38"	534.517,34	937.660,21	
		C4-4	8°27'13,13"	104°50'16,58"	537.002,65	934.577,49	





2	*Cụm đảo Hòn Chuối	C4-5	8°26'23,30"	104°49'24,38"	535.407,83	933.045,86	4.245
		C4-6	8°26'07,31"	104°49'35,89"	535.760,19	932.555,10	
		C4-7	8°25'43,45"	104°49'13,21"	535.067,28	931.821,79	
		B4-1	8°57'51,88"	104°28'27,94"	496.993,20	991.029,15	
		B4-2	8°59'57,62"	104°32'20,89"	504.105,82	994.890,79	
		B4-3	8°51'51,03"	104°36'44,66"	512.163,72	979.949,16	
		B4-4	8°49'57,17"	104°32'59,42"	505.284,70	976.451,01	
3	Cụm đảo Hòn Đá Bạc	A4-1	9°08'23,08"	104°48'38,18"	533.931,02	1.010.428,15	3.900
		A4-2	9°08'28,68"	104°47'03,13"	531.029,94	1.010.597,74	
		A4-3	9°10'55,20"	104°47'06,57"	531.131,36	1.015.097,58	
		A4-4	9°10'56,84"	104°44'13,10"	525.837,63	1.015.144,10	
		A4-5	9°13'13,98"	104°38'23,87"	515.178,76	1.019.350,17	
		A4-6	9°16'20,36"	104°38'41,95"	515.728,11	1.025.074,27	
		A4-7	9°15'42,26"	104°44'27,05"	526.257,43	1.023.909,90	
		A4-8	9°12'39,39"	104°44'33,23"	526.449,79	1.018.293,91	
		A4-9	9°12'25,37"	104°48'52,08"	534.348,74	1.017.869,49	
<b>Tổng cộng</b>							<b>9.000</b>



## 2. Bản đồ phân khu chức năng và vùng đệm

